



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/2/2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Miprec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-08-2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-08-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 24 tháng 8 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-174-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **25-08-2016**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.065.371.132.394	814.573.589.237
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	22.900.024.648	42.506.043.552
Tiền	111		22.900.024.648	42.506.043.552
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		681.000.000.000	411.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.610.000.000)	(1.610.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	680.000.000.000	410.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		286.008.835.438	266.820.290.830
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	191.021.615.608	181.290.960.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.269.677.331	14.233.078.772
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	94.175.555.267	72.862.410.409
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(1.583.756.708)	(1.566.159.101)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		125.743.940	-
Hàng tồn kho	140	13	65.003.242.795	86.002.321.134
Hàng tồn kho	141		69.774.125.229	90.971.896.714
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.770.882.434)	(4.969.575.580)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.459.029.513	8.244.933.721
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.174.507.496	24.129.589
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.284.522.017	8.220.804.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		631.196.654.497	999.881.834.303
Tài sản cố định	220		305.059.411.498	272.904.473.798
Tài sản cố định hữu hình	221	14	294.866.662.547	265.784.935.460
<i>Nguyên giá</i>	222		473.306.985.646	430.282.647.958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(178.440.323.099)	(164.497.712.498)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.192.748.951	7.119.538.338
<i>Nguyên giá</i>	228		21.095.219.106	17.507.023.106
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.902.470.155)	(10.387.484.768)
Bất động sản đầu tư	230	16	7.647.774.539	7.739.071.205
<i>Nguyên giá</i>	231		9.043.165.265	9.043.165.265
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.395.390.726)	(1.304.094.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		403.471.670	14.037.319.537
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	403.471.670	14.037.319.537
Đầu tư tài chính dài hạn	250		186.487.708.826	583.487.708.826
Đầu tư vào công ty con	251	9(c)	186.487.708.826	186.487.708.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	-	397.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		131.598.287.964	121.713.260.937
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	130.854.065.431	120.969.038.404
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		744.222.533	744.222.533
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.696.567.786.891	1.814.455.423.540

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.033.603.555.596	1.183.981.284.584
Nợ ngắn hạn	310		1.010.324.997.364	1.164.510.922.016
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	129.486.033.003	147.994.063.676
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.879.997.618	1.632.785.155
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	3.053.464.755	3.594.835.243
Phải trả người lao động	314		17.669.867.758	13.665.069.332
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	9.651.494.105	311.968.634
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	672.081.138
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	8.252.956.281	64.123.144.666
Vay ngắn hạn	320	23	834.422.666.192	924.162.060.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.365.403.857	6.900.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	1.543.113.795	1.454.913.791
Nợ dài hạn	330		23.278.558.232	19.470.362.568
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	23.278.558.232	19.470.362.568
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		662.964.231.295	630.474.138.956
Vốn chủ sở hữu	410	25	662.964.231.295	630.474.138.956
Vốn cổ phần	411	26	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	17.297.458.956	2.011.722.897
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.290.092.339	25.085.736.059
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.290.092.339	25.085.736.059
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.696.567.786.891	1.814.455.423.540

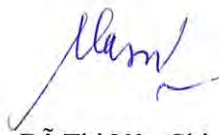
25 -08- 2016

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	874.011.520.791	965.540.078.102
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	579.846.396	644.299.186
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	873.431.674.395	964.895.778.916
Giá vốn hàng bán	11	31	817.937.550.869	915.854.752.521
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		55.494.123.526	49.041.026.395
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	61.464.459.453	59.973.810.833
Chi phí tài chính	22	33	23.073.979.100	16.484.743.077
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.073.979.100</i>	<i>18.500.174.249</i>
Chi phí bán hàng	25	34	28.361.214.950	23.933.749.799
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	20.751.822.600	21.214.139.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		44.771.566.329	47.382.205.200
Thu nhập khác	31		1.018.039.314	5.494.814.734
Chi phí khác	32		725.862.771	5.513.175.137
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		292.176.543	(18.360.403)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.063.742.872	47.363.844.797
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	2.773.650.533	2.968.038.866
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		-	(334.043.690)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.290.092.339	44.729.849.621

25 -08- 2016

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	45.063.742.872	47.363.844.797
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	19.289.651.439	17.224.909.932
Các khoản dự phòng	03	(2.715.691.682)	(1.083.468.175)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(94.298.290)	3.788.164.498
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(61.193.013.829)	(53.723.465.609)
Chi phí lãi vay	06	23.073.979.100	18.500.174.249
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	23.424.369.610	32.070.159.692
Biến động các khoản phải thu	09	3.568.574.194	22.064.237.611
Biến động hàng tồn kho	10	21.197.771.485	(23.857.147.072)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.974.023.721	84.295.793.852
Biến động chi phí trả trước	12	(11.035.404.934)	(8.868.214.764)
		40.129.334.076	105.704.829.319
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.144.785.193)	(18.809.506.762)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.436.976.964)	(1.519.679.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.957.181.480
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.711.799.996)	(9.665.359.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.835.771.923	81.667.465.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(37.819.313.715)	(23.488.149.164)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	799.918.213	-
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(500.000.000.000)	(430.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	627.000.000.000	509.068.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	21.487.557.661
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	36.654.530.431	61.196.840.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	126.635.134.929	138.264.249.236
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	926.493.825.283	909.148.725.752
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.016.233.219.472)	(1.213.803.384.516)
Tiền trả cổ tức	36	(60.337.421.640)	(60.338.502.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.076.815.829)	(364.993.161.564)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(19.605.908.977)	(145.061.447.328)
Tiền đầu kỳ	60	42.506.043.552	165.896.805.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(109.927)	-
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	22.900.024.648	20.835.358.068

25 -08- 2016

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 6 công ty con) được liệt kê trong thuyết minh số 9(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 325 nhân viên (1/1/2016: 311 nhân viên).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(a) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất 48 năm
- Giá trị xây lắp 48 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Vỏ bình gas*

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas được nhận. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng trên cơ sở số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị bình xuất dùng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vô bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị bình xuất dùng.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	73.105.000	205.429.457
Tiền gửi ngân hàng	22.826.919.648	42.300.614.095
	<hr/>	<hr/>
	22.900.024.648	42.506.043.552
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	(1.610.000.000)	100.000	2.610.000.000	(*)	(1.610.000.000)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	680.000.000.000	680.000.000.000	410.000.000.000	410.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/6/2016 và 1/1/2016

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:					
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hà Nội	51%	11.487.708.826	-	(*)
			186.487.708.826	-	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết t-ên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	63.067.850.995	46.743.253.155
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	3.194.046.264	7.358.197.209
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	36.817.535.899	33.889.188.822
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	34.695.371.562	23.310.760.211
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	12.259.458.882	28.294.891.319
Các khách hàng khác	40.987.352.006	41.694.670.034
	191.021.615.608	181.290.960.750

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	34.695.371.562	23.310.760.211
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	63.067.850.995	46.743.253.155
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	36.817.535.899	33.889.188.822
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	12.259.458.882	28.294.891.319
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.074.639.416	20.610.966.446
	166.914.856.754	152.849.059.953

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	41.174.318.295	23.955.686.110
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	48.567.271.876	41.947.469.767
Phải thu người lao động	1.114.312.217	602.864.423
Phải thu khác	3.319.652.879	6.356.390.109
	94.175.555.267	72.862.410.409

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Bao bì								
Kim loại Vinacan Hà Nội	Trên 3 năm	1.211.133.262	(1.211.133.262)	(*)	Trên 3 năm	1.211.133.262	(1.211.133.262)	(*)
Công ty cổ phần Cửa sổ nhựa	Từ 1 đến 2 năm	223.009.700	(111.504.850)	(*)	Từ 1 đến 2 năm	223.009.700	(111.504.850)	(*)
Châu Âu		478.245.745	(261.118.596)	(*)		307.825.824	(243.520.989)	(*)
Khác								
		<u>1.912.388.707</u>	<u>(1.583.756.708)</u>			<u>1.741.968.786</u>	<u>(1.566.159.101)</u>	
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn								<u>(1.566.159.101)</u>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị có thể thu hồi sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.874.300.800	-
Nguyên vật liệu	21.038.616.718	(2.111.112.667)	35.624.172.957	(2.111.112.667)
Công cụ và dụng cụ	-	-	242.224.105	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.186.514.574	-	1.434.799.574	-
Hàng hóa	47.548.993.937	(2.659.769.767)	50.796.399.278	(2.858.462.913)
	69.774.125.229	(4.770.882.434)	90.971.896.714	(4.969.575.580)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 31.719 triệu VND nguyên vật liệu và hàng hóa (1/1/2016: 19.112 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	260.684.294.896	139.163.952.348	24.269.781.160	6.164.619.554	430.282.647.958
Tăng trong kỳ	-	-	14.181.690.909	344.499.330	14.526.190.239
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	5.690.750.521 (1.857.824.165)	27.648.024.822 (755.780.248)	-	-	33.338.775.343 (4.840.627.894)
Số dư cuối kỳ	264.517.221.252	166.056.196.922	36.224.448.588	6.509.118.884	473.306.985.646
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	93.508.623.471	50.553.024.828	16.187.950.140	4.248.114.059	164.497.712.498
Khấu hao trong kỳ	7.088.334.758	9.472.437.010	1.355.992.491	766.605.127	18.683.369.386
Thanh lý	(1.805.982.537)	(735.983.958)	(2.198.792.290)	-	(4.740.758.785)
Số dư cuối kỳ	98.790.975.692	59.289.477.880	15.345.150.341	5.014.719.186	178.440.323.099
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	167.175.671.425	88.610.927.520	8.081.831.020	1.916.505.495	265.784.935.460
Số dư cuối kỳ	165.726.245.560	106.766.719.042	20.879.298.247	1.494.399.698	294.866.662.547

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 41.421 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1.2016: 42.713 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6.988.047.470	10.518.975.636	17.507.023.106
Tăng trong kỳ	3.588.196.000	-	3.588.196.000
Số dư cuối kỳ	10.576.243.470	10.518.975.636	21.095.219.106
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.933.519.942	8.453.964.826	10.387.484.768
Khấu hao trong kỳ	56.970.000	458.015.387	514.985.387
Số dư cuối kỳ	1.990.489.942	8.911.980.213	10.902.470.155
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.054.527.528	2.065.010.810	7.119.538.338
Số dư cuối kỳ	8.585.753.528	1.606.995.423	10.192.748.951

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	950.790.001	353.304.059	1.304.094.060
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.020.360.001	375.030.725	1.395.390.726
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	6.006.615.469	1.732.455.736	7.739.071.205
Số dư cuối kỳ	5.937.045.469	1.710.729.070	7.647.774.539

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	14.037.319.537	667.111.466
Tăng trong kỳ	19.704.927.476	6.724.598.155
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.338.775.343)	(2.794.274.437)
Số dư cuối kỳ	403.471.670	4.597.435.184

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Vô bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	87.855.590.162	19.546.195.189	13.567.253.053	120.969.038.404
Tăng trong kỳ	16.388.382.344	76.059.375	750.001.664	17.214.443.383
Phân bổ trong kỳ	(6.187.320.712)	(733.445.614)	(408.650.030)	(7.329.416.356)
Số dư cuối kỳ	98.056.651.794	18.888.808.950	13.908.604.687	130.854.065.431

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí Công ty TNHH EI Corporation Itochu Petroleum Co., Pte Ltd Các nhà cung cấp khác	63.719.039.420 38.001.341.281 - 27.765.652.302	53.150.450.775 64.072.648.489 13.621.350.485 17.149.613.927
	129.486.033.003	147.994.063.676

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	65.734.146	164.482.034.695	(164.277.237.809)	270.531.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.434.776.964	2.773.650.533	(3.436.976.964)	2.771.450.533
Thuế thu nhập cá nhân	94.324.133	2.196.163.512	(2.279.004.455)	11.483.190
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.058.633.452	(15.058.633.452)	-
Các loại thuế khác	-	108.562.135	(108.562.135)	-
	3.594.835.243	184.619.044.327	(185.160.414.815)	3.053.464.755

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.910.259.974	-
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	3.488.569.963	-
Chi phí khác	252.664.168	311.968.634
	9.651.494.105	311.968.634
	9.651.494.105	311.968.634

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	287.164.820	60.624.586.460
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	808.413.656	567.340.623
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.109.150.861	-
Phải trả khác	5.048.226.944	2.931.217.583
	8.252.956.281	64.123.144.666
	8.252.956.281	64.123.144.666

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị bình xuất dùng.

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong kỳ		30/6/2016
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	924.162.060.381	926.493.825.283	(1.016.233.219.472)	834.422.666.192
	924.162.060.381	926.493.825.283	(1.016.233.219.472)	834.422.666.192
	924.162.060.381	926.493.825.283	(1.016.233.219.472)	834.422.666.192

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	20.803.028.710	82.014.009.427
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	VND	195.482.853.870	140.177.681.147
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	306.230.774.190	200.419.590.420
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	VND	65.979.739.913	148.181.164.015
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	VND	245.926.269.509	250.020.251.085
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	-	103.349.364.287
		834.422.666.192	924.162.060.381

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng vay số 01/2015/1230718/HDDTD ký ngày 24 tháng 4 năm 2015. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng số 112/2015-HĐTDHM/NHCT126-PGC ký ngày 15 tháng 9 năm 2015. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 160004/HĐCTD.SGD.NHNT ký ngày 4 tháng 1 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 29 tháng 11 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng số 9877.15.057.747309.TD ký ngày 30 tháng 10 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng và các mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng L/C có liên quan. Lãi cho vay và thời gian trả gốc áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.1465/2016/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 23 tháng 3 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	1.454.913.791	1.387.782.969
Trích lập trong kỳ	9.800.000.000	10.555.700.000
Sử dụng trong kỳ	(9.711.799.996)	(9.665.359.993)
Số dư cuối kỳ	1.543.113.795	2.278.122.976

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	81.351.082.553	24.465.140.344	615.944.102.897
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	44.729.849.621	44.729.849.621
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	13.909.440.344	(13.909.440.344)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.555.700.000)	(10.555.700.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	95.260.522.897	44.729.849.621	650.118.252.518
Số dư ngày 1/1/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.011.722.897	25.085.736.059	630.474.138.956
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	42.290.092.339	42.290.092.339
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	15.285.736.059	(15.285.736.059)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9.800.000.000)	(9.800.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	17.297.458.956	42.290.092.339	662.964.231.295

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.376.680.000	60.339.285	603.376.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 60.341 triệu VND (2015: 60.341 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 45/NQ-CHP ngày 26 tháng 11 năm 2015.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	2.684.790.000	496.400.000

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	448,47	9.973.843	447,86	10.054.458
Euro (“EUR”)	196,24	4.836.097	201,77	4.887.190
		14.809.940		14.941.648

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	866.098.913.431	958.808.831.185
▪ Cung cấp dịch vụ	4.468.839.060	2.811.592.997
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.075.641.138	1.670.530.909
▪ Ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	2.368.127.162	2.249.123.011
	874.011.520.791	965.540.078.102
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	579.846.396	644.299.186
Doanh thu thuần	873.431.674.395	964.895.778.916

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng hóa	813.869.922.916	910.477.298.353
▪ Cung cấp dịch vụ	2.449.441.095	1.990.699.180
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.816.880.004	1.673.811.613
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(198.693.146)	1.712.943.375
	<hr/>	<hr/>
	817.937.550.869	915.854.752.521

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	29.058.016.278	23.793.045.832
Cổ tức được chia	31.434.948.447	35.070.547.527
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	94.298.290	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	877.196.438	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.110.217.474
	<hr/>	<hr/>
	61.464.459.453	59.973.810.833

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	23.073.979.100	18.500.174.249
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.788.164.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.296.126.375
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(7.121.305.687)
Chi phí tài chính khác	-	21.583.642
	<hr/>	<hr/>
	23.073.979.100	16.484.743.077

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.498.492.948	6.134.518.996
Chi phí khấu hao	238.320.674	218.964.262
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	6.187.320.712	4.429.697.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.838.743.831	13.112.223.838
Chi phí khác	598.336.785	38.345.576
	<hr/>	<hr/>
	28.361.214.950	23.933.749.799

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.187.197.921	8.192.223.858
Chi phí khấu hao	2.054.394.562	3.087.937.445
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	17.597.607	76.209.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.604.618.374	8.663.711.609
Chi phí khác	1.888.014.136	1.194.057.136
	<hr/>	<hr/>
	20.751.822.600	21.214.139.152

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	15.687.624.966	9.695.791.954
Chi phí nhân viên	35.476.063.722	27.479.825.423
Chi phí khấu hao	19.289.651.439	17.224.909.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.263.499.016	49.828.344.011
Chi phí khác	23.769.047.820	3.641.174.179
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.771.450.533	2.864.956.712
Thuế bổ sung những năm trước	2.200.000	103.082.154
	<u>2.773.650.533</u>	<u>2.968.038.866</u>
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(334.043.690)
	<u>2.773.650.533</u>	<u>2.633.995.176</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.063.742.872	47.363.844.797
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.012.748.574	10.420.045.855
Chi phí không được khấu trừ thuế	45.691.648	160.431.313
Thu nhập không bị tính thuế	(6.286.989.689)	(7.715.520.456)
Biến động chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa ghi nhận	-	(334.043.690)
Thuế bổ sung những năm trước	2.200.000	103.082.154
	<u>2.773.650.533</u>	<u>2.633.995.176</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	89.033.459.052	99.124.360.577
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa	194.066.721.377	238.930.470.801
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa	144.180.328.247	155.483.537.956
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>		
Bán hàng hóa	66.701.064.427	66.470.782.164
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>		
Bán hàng hóa	165.349.467.898	173.330.298.042
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	95.842.009.362	93.435.230.207

25 -08- 2016

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc